

Số: 590/QĐ-HVCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2017

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định học Ngoại ngữ của sinh viên bậc đại học  
hệ đào tạo Chính quy, hệ Vừa làm vừa học**

### **GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÁN BỘ**

- Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ/TTg ngày 15/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-BGDĐT ngày 6/7/2016 và Quyết định số 630/QĐ-BGDĐT 3/3/2017 về việc cho phép Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo các ngành trình độ đào tạo hệ chính quy;
- Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;
- Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 9 năm 2008 về việc phê duyệt đề án “Dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 -2020”;
- Căn cứ công văn số 7274/BGDT-GDDH, ngày 31/10/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 trong các cơ sở GDDH;
- Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Học và kiểm tra chuẩn đầu ra Ngoại ngữ trình độ đại học hệ Chính quy, hệ Vừa làm vừa học tại Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ niên khóa 2016.

**Điều 3:** Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Trưởng Phòng Kế toán - Tài chính, Ban Cố vấn học tập, Trưởng các Khoa/Bộ môn, Trung tâm và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BGD "để biết”;
- Lưu: VT, QLĐT, T.



**PGS.TS Trần Hoàng Ngân**



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

**QUY ĐỊNH**  
**HỌC VÀ KIỂM TRA CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**HỆ CHÍNH QUY, HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC**  
**TẠI HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 590/QĐ-HVC ngày 5.1.5/2017)

Căn cứ Quyết định số 2288/QĐ-BGDĐT ngày 6/7/2016 và Quyết định số 630/QĐ-BGDĐT 3/3/2017 về việc cho phép Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh đào tạo các ngành trình độ đào tạo hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 9 năm 2008 về việc phê duyệt đề án “Dạy và học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 -2020”;

Căn cứ công văn số 7274/BGDĐT-GDĐH, ngày 31/10/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch triển khai Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 trong các cơ sở GDĐH;

Nhằm tạo điều kiện chủ động và thuận lợi cho sinh viên trong việc học và tích lũy chứng chỉ ngoại ngữ, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh quy định miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ cụ thể như sau:

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Văn bản này quy định về chứng chỉ ngoại ngữ; tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ ngoại ngữ của sinh viên; tổ chức lớp học phần ngoại ngữ; điều kiện miễn học, miễn thi học phần 1,2,3,4 ngoại ngữ các ngành thuộc hệ đại học Chính quy, hệ Vừa làm vừa học đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Học viện Cán bộ.

**Điều 2. Tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ**

1. Sau khi sinh viên nhập học, Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ Đào tạo và Công tác Sinh viên cùng Khoa Đại Cương tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đối với sinh viên năm 1.

2. Kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh được sử dụng làm căn cứ để Học viện phân loại, bố trí lớp học vào chương trình học ngoại ngữ. Những sinh viên sau không phải dự kiểm tra:

- a. Sinh viên có chứng chỉ A2, TOEIC 225, IELTS 3.0 quốc tế còn hiệu lực về thời gian theo quy định;
- b. Sinh viên đã đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi tiếng Anh bậc Trung học Phổ thông cấp tỉnh trở lên trong vòng ba năm cho đến thời điểm nhập học;
- c. Sinh viên có bằng cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh.

Sinh viên sau khi kiểm tra trình độ tiếng Anh được phân loại thành hai nhóm:

**Nhóm 1:** Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh đạt từ cấp độ A2 (theo Khung tham chiếu Châu Âu), hoặc TOEIC 225, hoặc IELTS 3.0.

**Nhóm 2:** Sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh đạt dưới cấp độ A2 (theo Khung tham chiếu Châu Âu), hoặc TOEIC 225, hoặc IELTS 3.0.



Những sinh viên không đăng ký dự kiểm tra không được đăng ký học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo, sẽ phải tự tích lũy bổ sung kiến thức và phải kiểm tra trình độ tiếng Anh vào đợt tiếp theo.

3. Học viện sẽ định kỳ tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh của sinh viên.

### **Điều 3. Tổ chức lớp học phần Ngoại ngữ**

1. Căn cứ vào kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh, sinh viên:

- Thuộc nhóm 1 sẽ được xếp vào các lớp ngoại ngữ tương ứng các học phần 1,2,3,4 của chương trình đào tạo cử nhân hệ Chính quy và Vừa làm vừa học của Học viện Cán bộ.

- Thuộc nhóm 2 sẽ tham gia lớp học bổ sung kiến thức được tổ chức bởi Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và Ngoại ngữ phối hợp với Khoa Đại cương.

2. Việc tổ chức các lớp học phần nhằm mục đích tạo thuận lợi cho sinh viên ở trình độ thấp nhanh chóng bắt kịp với lộ trình học tập hướng tới chuẩn đầu ra.

### **Điều 4. Miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ**

1. Sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn hiệu lực (tính đến thời điểm sinh viên nộp đơn đề nghị miễn học, miễn thi):

Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do tổ chức khảo thí hoặc đào tạo có thẩm quyền được uỷ quyền cấp bao gồm:

- Chứng chỉ IELTS của ba tổ chức đồng sở hữu là Hội đồng Anh (British Council), Hội đồng Khảo thí Tiếng Anh Trường Đại học Cambridge (University of Cambridge ESOL) và Tổ chức Phát triển Giáo dục Quốc tế của Úc (IDP Education Australia);

- Chứng chỉ TOEFL iBT của Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ (Educational Testing Service - ETS);

- Chứng chỉ tiếng Anh của Cambridge ESOL; Chứng chỉ TOEIC của ETS.

2. Mức điểm quy đổi khi xét miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ:

- Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
B1	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40
B2	5.5	500 BPT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Business Vantage	60

- Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
B1	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4
B2	TRKI 2	DELFB2 TCF niveau 4	B2 TestDaF level 4	HSK cấp độ 4	JLPT N3

**Lưu ý:**

- Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu sinh viên cần đạt được.
- Sinh viên chỉ được chuyển điểm theo quy định tại khoản 1 Điều này sau khi có quyết định của Giám đốc Học viện Cán bộ về việc miễn học, miễn thi của từng sinh viên cụ thể.
- Việc miễn học, miễn thi học phần Ngoại ngữ 1,2,3,4 không áp dụng cho học phần Ngoại ngữ 5.
- Các trường hợp được công nhận miễn học, miễn thi sinh viên vẫn hoàn thành nghĩa vụ học phí đầy đủ như các sinh viên không được miễn học, miễn thi. Học phí của học phần được miễn học, miễn thi sẽ được hoàn trả (...%) vào học kỳ cuối cùng của khóa học.

**Điều 5. Quy trình thủ tục xin miễn học, miễn thi**

1. Sinh viên thỏa mãn các điều kiện về miễn học, miễn thi nộp đơn theo mẫu (Phụ lục 2) cho Phòng Quản lý Đào tạo 04 tuần trước khi học kỳ bắt đầu (thời gian cụ thể theo thông báo của Phòng Quản lý Đào tạo). Đơn Xin miễn học, miễn thi kèm theo bản sao có công chứng các chứng chỉ tiếng Anh. Khi nộp đơn, sinh viên cần xuất trình bản gốc để kiểm tra, đối chiếu.
2. Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với Khoa Đại cương kiểm tra và báo cáo Ban Giám đốc ra quyết định công nhận việc miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho sinh viên trước khi kết thúc tuần thứ 2 của học kỳ.

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Phòng Quản lý Đào tạo, Khoa Đại cương, Trung Tâm Hỗ trợ Đào tạo và Công tác sinh viên, Trung tâm Đào tạo Bồi dưỡng nghiệp vụ và Ngoại ngữ, các Khoa và Ban Cố vấn học tập phổ biến rộng rãi quy định này đến sinh viên.
2. Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với Khoa Đại cương, Phòng Kế toán - Tài chính và các đơn vị có liên quan thực hiện quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị phản ánh cho Ban Giám đốc (qua Phòng Quản lý Đào tạo; Khoa Đại cương) để giải quyết. *nl*

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc “để biết”
- Như điều 6;
- Lưu: VT, QLĐT, T.



PGS.TS. Trần Hoàng Ngân



## PHỤ LỤC 1

**DẠNG THỨC ĐỀ THI NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ B1 KHUNG CHÂU ÂU**  
**ĐỀ KIỂM TRA CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ CHO SINH VIÊN**  
**HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, HỆ VỮA LÀM VỮA HỌC CỦA HỌC VIỆN CÁN BỘ**  
(Xây dựng trên cơ sở hướng dẫn của Thông tư số: 05/2012/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm  
2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đề thi gồm 3 bài, tổng thời gian 135 phút.

### **BÀI 1: ĐỌC VÀ VIẾT**

**Thời gian làm bài: 90 phút. Điểm: 60 điểm/ 100 điểm**

Mô tả các phần:

**ĐỌC: 4 phần /20 câu hỏi (30 điểm)**

- **Phần 1: 10 câu hỏi (10 điểm).** Đọc 10 câu đọc lập mỗi câu có một từ bỏ trống, chọn 1 từ đúng trong 4 từ cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD) để điền vào chỗ trống. Các chỗ trống này cho phép kiểm tra kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và kiến thức trong môi trường công việc liên quan đến hoạt động kinh tế, kinh doanh và cuộc sống.

- **Phần 2: 5 câu hỏi (5 điểm).** Có thể lựa chọn một trong hai hình thức bài tập sau: 1) đọc 5 biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hàng ngày hoặc trong công việc (dạng hình ảnh không có chữ hoặc có ít chữ) hoặc thông báo ngắn, sau đó chọn một câu trả lời đúng trong 4 câu cho sẵn (dạng trắc nghiệm ABCD); 2) đọc 5 đoạn mô tả ngắn, mỗi đoạn khoảng 3 câu, sau đó chọn các bức tranh tương ứng với đoạn mô tả (5 bức tranh), có nội dung liên quan đến môi trường công việc liên quan đến hoạt động kinh tế, kinh doanh và cuộc sống.

- **Phần 3: 5 câu hỏi (5 điểm).** Đọc một bài khoảng 200 - 250 từ, chọn các câu trả lời Đúng hoặc Sai hoặc lựa chọn câu trả lời đúng trong 4 khả năng A, B, C, D. Bài đọc có thể lấy từ báo, tạp chí dễ hiểu, dạng phổ biến kiến thức, thường thấy trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.

- **Phần 4: 10 câu hỏi (10 điểm).** Làm bài đọc điền từ (*Cloze test*), dạng bỏ từ thứ 7 trong văn bản. Lưu ý: chỉ bỏ ô trống bắt đầu từ câu thứ 3, câu thứ 1 và thứ 2 giữ nguyên để thí sinh làm quen với ngữ cảnh. Bài đọc này dài khoảng 150 từ trong đó có 10 từ bỏ trống. Chọn trong số 15 từ cho sẵn các từ phù hợp để điền vào chỗ trống.

*Yêu cầu chung: 1) Bài đọc viết theo ngôn ngữ đơn giản, có bố cục rõ ràng; 2) Chủ đề quen thuộc, liên quan tới môi trường công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh và cuộc sống trong giới kinh doanh (có thể lấy từ báo, tạp chí, tài liệu giáo dục, truyện, các mục trong bách khoa toàn thư...); 3) Lượng từ mới không vượt quá 10% của trình độ B1.*

**VIẾT: 2 phần (30 điểm)**

- **Phần 1: 5 câu hỏi (10 điểm).** Cho sẵn 5 câu, viết lại các câu đó với những cách diễn đạt khác đã được gợi ý bằng 1-2 từ sao cho ý nghĩa các câu đó không thay đổi.

- **Phần 2: (20 điểm).** Viết một bài viết ngắn khoảng 100 -120 từ. Đây là dạng bài viết có nội dung liên quan đến môi trường công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh và cuộc sống trong giới kinh doanh, thường là viết dựa trên một tài liệu gợi ý cho sẵn. Một số dạng bài thường dùng: viết một lá đơn xin việc sau khi đọc một quảng cáo việc làm; viết một lá thư mời hay thư phản nản về một sản phẩm hoặc dịch vụ sau khi đã mua hàng hoặc dùng dịch vụ theo một quảng cáo; điền vào một mẫu tờ khai trong đó có 2 đoạn, mỗi đoạn dài khoảng 4 - 5 dòng; viết thư trả lời để cảm ơn, xin lỗi, giải thích một sự việc hay dặn dò, đưa lời khuyên cho ai đó; viết một đoạn để nêu lên ý kiến, hoặc nhận định của mình về một vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh....



## **BÀI 2: NGHE HIỂU**

**Thời gian: 35 phút. Điểm: 20 điểm/ 100 điểm**

Bài thi Nghe hiểu gồm 02 phần:

- **Phần 1:** 5 câu hỏi (10 điểm). Có thể lựa chọn nghe 5 đoạn hội thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 bức tranh/ hình ảnh đúng, mỗi hội thoại có 4 - 6 lần đổi vai; hoặc nghe một đoạn hội thoại dài để chọn 5 câu Đúng hoặc Sai với nội dung; hoặc nghe một đoạn độc thoại ngắn rồi đánh dấu vào 5 đồ vật/ sự việc.

- **Phần 2:** 10 câu hỏi (10 điểm). Nghe một đoạn hội thoại hay độc thoại. Điền vào 10 chi tiết bỏ trống trong bài. Chỗ trống thường là thông tin quan trọng.

*Yêu cầu chung:* 1) Thí sinh có 5 phút để nghe hướng dẫn cách làm bài, sau đó được nghe mỗi bài 2 lần, vừa nghe vừa trả lời câu hỏi; 2) Thời gian mỗi phần nghe không quá 15 phút (kể cả thời gian làm bài); 3) phát ngôn rõ ràng, tốc độ từ chậm đến trung bình; 4) chủ đề cụ thể, bối cảnh giao tiếp quen thuộc, liên quan đến môi trường công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh và cuộc sống trong giới kinh doanh; 5) lượng từ mới không quá 5% của trình độ B1.

## **BÀI 3: NÓI**

**Bài thi Nói gồm 3 phần, thời gian cho mỗi thí sinh từ 10 - 12 phút.**

**Điểm: 20 điểm/ 100 điểm**

Mô tả các phần:

Thí sinh bốc thăm 1 trong số các chủ đề nói của trình độ B1 liên quan tới 4 lĩnh vực cá nhân, nghề nghiệp, các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh như: Bản thân; nhà cửa, gia đình, môi trường công việc; cuộc sống hàng ngày; thời gian rảnh; đi lại, du lịch; nhận xét, miêu tả sản phẩm,...

Thời gian chuẩn bị khoảng 5 - 7 phút (không tính vào thời gian thi)

- **Phần 1** (2 đến 3 phút): Giáo viên hỏi thí sinh một số câu về tiểu sử bản thân để đánh giá khả năng giao tiếp xã hội của thí sinh.

- **Phần 2** (5 phút): Thí sinh trình bày chủ đề đã bốc thăm. Phần trình bày phải có bố cục rõ ràng, giới thiệu nội dung, phát triển ý, kết luận, biết sử dụng phương tiện liên kết ý. Tránh liệt kê hàng loạt mà không phát triển kỹ từng ý.

- **Phần 3** (3 - 5 phút): Giáo viên và thí sinh hội thoại mở rộng thêm về những vấn đề có liên quan đến chủ đề vừa trình bày. Trong phần hội thoại, giáo viên đặt các câu hỏi phản bác hoặc thăm dò ý kiến, thí sinh phải trình bày được quan điểm và đưa ra lý lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.

## PHỤ LỤC 2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### ĐƠN XIN MIỄN HỌC- MIỄN THI VÀ CHUYỂN ĐIỂM HỌC PHẦN TIẾNG ANH

Kính gửi: - BAN GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÁN BỘ  
- PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Tôi tên:..... Ngày sinh: .../.../... Lớp:.....  
Ngành học:..... Khóa:.....  
Mã sinh viên:..... Điện thoại:.....  
Tôi đã đạt trình độ tiếng Anh: .....  
Năm đạt chứng chỉ: .....  
Nay tôi làm đơn này đề nghị xin được miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần (*Ghi rõ từng học phần, ví dụ tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, tiếng Anh 3, tiếng Anh 4*):  
1. ....  
2. ....  
3. ....  
4. ....

#### **Hồ sơ gửi kèm:**

1. Bằng tốt nghiệp Đại học ngành Ngôn ngữ Anh: (bản sao có công chứng, và xuất trình bản gốc để đối chiếu).

\* Trường..... Năm cấp:..... Nơi cấp:.....

\* Trường..... Năm cấp:..... Nơi cấp:.....

2. Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực: (bản sao có công chứng, và xuất trình bản gốc để đối chiếu).

Tên chứng chỉ: ..... Kết quả: .....

Tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Học viện về việc miễn học, miễn thi học phần ngoại ngữ.

Trân trọng./.

TP.HCM, ngày... tháng... năm 201

NGƯỜI NHẬN ĐƠN

NGƯỜI LÀM ĐƠN